TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HSST
Ngày: 22/5/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, ông Đào Đình Phúc,

- ***Thư ký phiên toà***: Đào Quang Khuyến -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Thanh Miện* tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2014, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/HSST-TL ngày 05 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 08/5/2018 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Xuân Q, sinh 1990

HKTT: Thôn Đ, xã ĐT, huyện G, tỉnh H.
Nghề nghiệp: lao động tự do, Trình độ học vấn: 8/12,
Bố đẻ: Nguyễn Xuân Q1, đã chết, Mẹ đẻ : Nguyễn Thị L, sinh năm 1962
Vợ : Đỗ Thị Ph, có 01 con sinh năm 2017.
Tiền sự: không,

Tiền án : Bản án số 20/2009/HSST ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Bản án số 68/2014/HSST ngày 18/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản trị giá 15.000.000đ, chấp hành xong hình phạt ngày 08/02/2016.

Nhân thân: Bản án số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản trị giá 18.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/6/2017.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên toà.

2/ Lê Thạc D, sinh 1990

HKTT: Thôn Đ, xã ĐT, huyện G, tỉnh H.
Nghề nghiệp: lao động tự do, Trình độ học vấn: 10/12,
Bố đẻ: Lê Thạc D1, đã chết, Mẹ đẻ : Đặng Thị T, sinh năm 1948.
Tiền án, tiền sự: không,

Nhân thân : Bản án số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản trị giá 18.000.000đ. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/3/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh Vũ Xuân H, sinh 1995,

HKTT: thôn PK, xã C, huyện T, tỉnh H, *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 30/5/2017 Q điều khiển xe mô tô Sirius màu trắng, không gắn BKS chở D mục đích tìm xe mô tô nhưng chủ xe sơ hở trong quản lý để trộm cắp. Khi đi qua nhà ông Vũ Đức K ở thôn T, xã C, D nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 34F1- 158.85 của anh Vũ Xuân H dựng trước cửa nhà ông K, D bảo Q trộm cắp xe mô tô trên. Q đồng ý rồi đi đến gần xe mô tô của anh H, dùng dụng cụ phá khoá cắm vào ổ khoá điện mở khoá và nổ máy điều khiển xe vừa trộm cắp được còn D điều khiển xe mô tô Sirius cùng về nhà Q. Trên đường về Q đã vứt dụng cụ phá khoá, sau đó bảo D mang BKS, ví da cũ ở cốp xe mô tô vừa trộm cắp đến khu vực cầu Tràng Thưa vứt xuống sông, Q lấy BKS 34B1- 175.99 của người bạn ở Hưng Yên không rõ tên, tuổi, địa chỉ lắp vào xe mô tô vừa trộm cắp, sử dụng vào việc đi lại. Khoảng tháng 6/2017 Q và D trộm cắp xe mô tô ở huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang bị Công an huyện Na Hang bắt giữ, hai bị cáo đã khai về hành vi trộm cắp xe của anh H, Công an huyện Na Hang quản lý xe mô tô các bị cáo trộm cắp của anh H và thông báo cho Công an huyện Thanh Miện giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Thanh Miện kết luận : xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu sơn xanh- trắng, BKS 34F1- 158.85 đã qua sử dụng có giá trị là 30.469.000đ.

Ngày 08/01/2018 Cơ quan CSĐT công an huyện Thanh Miện đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu sơn xanh- trắng, BKS 34F1- 158.85 cho anh H.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS-TM ngày 03/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện căn cứ khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015, điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, áp dụng điều luật có lợi cho bị cáo đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, Lê Thạc D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q, Lê Thạc D phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173, điều 17, 58, điểm s, h, r khoản 1 điều 51, điều 38, điều 56 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Q từ 28 - 32 tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, buộc Q chấp hành hình phạt

chung của hai bản án, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù đến ngày xét xử là 10 tháng 28 ngày, thời hạn tính từ ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2018.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điều 17, 58, điểm s, r khoản 1 điều 51, điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo D từ 16 - 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/3/2018.

Về hình phạt bổ sung : không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không giải quyết.

Về vật chứng: Xe mô tô Sirius màu trắng mà Q và D sử dụng đi trộm cắp là phương tiện phạm tội nhưng không thu hồi được, Q khai nhận đã bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 500.000đ, cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 điều 47 BLHS 2015, điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, biên bản phạm tội quả tang, lời khai người bị hại, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Tối ngày 30/5/2017 Q điều khiển xe mô tô Sirius màu trắng không gắn BKS chở D mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi qua nhà ông Vũ Đức K ở thôn T, xã C, D nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 34F1- 158.85 của anh Vũ Xuân H dựng trước cửa nhà ông K, bảo Q vào trộm cắp, Q dùng dụng cụ phá khoá cắm vào ổ khoá điện mở khoá và nổ máy điều khiển xe vừa trộm cắp về nhà. Trên đường về Q đã vứt dụng cụ phá khoá, sau đó bảo D mang BKS, ví da cũ ở cốp xe mô tô vừa trộm cắp đến khu vực cầu Tràng Thưa vứt xuống sông, Q lấy BKS 34B1- 175.99 của người bạn ở Hưng Yên không rõ tên, tuổi, địa chỉ lắp vào xe mô tô vừa trộm cắp, sử dụng vào việc đi lại.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần

chúng nhân dân, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tài sản trộm cắp trị giá 30.469.000đ. Bị cáo Q có hai tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, bị cáo D không chịu tình tiết định khung. Hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Miện đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình khai báo hai bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ sự ăn năn hối lỗi hành vi đã phạm, khi bị bắt tại Công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đã tự thú về hành vi trộm cắp xe mô tô của anh H nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo Q bị truy tố khoản 2 điều 173 BLHS trong khi tài sản chiếm đoạt trị giá dưới 50 triệu đồng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo Q có hai tiền án: Bản án số 20/2009/HSST ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản". Bản án số 68/2014/HSST ngày 18/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 08/02/2016. Lần phạm tội này bị cáo đã chịu tình tiết định khung Tái phạm nguy hiểm nên không chịu tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng. Hai bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Na Hang xét xử về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 15/6/2017 trong khi trộm cắp tại huyện Thanh Miện là ngày 30/5/2017 nên không xác định các bị cáo có hành vi tái phạm. Đối với bị cáo Q hiện đang chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù theo bản án hình sự số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/6/2017, đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành được 10 tháng 28 ngày. HĐXX quyết định hình phạt đối với tội mới, áp dụng điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, trừ đi phần hình phạt bị cáo đã chấp hành, bị cáo Q phải chấp hành hình phạt còn lại.

Hai bị cáo tuy đồng phạm việc trộm cắp nhưng không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó Q có vai trò chính trong việc chủ động rủ bị cáo D cùng đi trộm cắp, chuẩn bị xe, trực tiếp thực hiện việc trộm cắp, bị cáo D là người giúp sức nên có vai trò sau Q. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì động cơ tư lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp, nhân thân xấu vì vậy cần có hình phạt tương xứng và cách ly các bị cáo một thời gian để không chỉ cải tạo, giáo dục các bị cáo mà còn phục vụ công tác phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Xuân H xác định đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu sơn xanh- trắng, đối với biển kiểm soát, ví da, giấy tờ xe anh không có yêu cầu các bị cáo bồi thường vì vậy không xét giải quyết.

[7]. Về vật chứng: Xe mô tô Sirius màu trắng các bị cáo sử dụng trộm cắp tài sản, Q khai nhận sau đó đã bán cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 500.000đ, đây là tiền bán phương tiện sử dụng vào việc trộm cắp vì vậy buộc bị cáo Q nộp lại sung ngân sách nhà nước.

Đối với biển kiểm soát 34B1-175.99 Q lắp vào xe trộm cắp của anh H để sử dụng, quá trình điều tra xác định biển kiểm soát mang tên anh Cao Văn L, sinh năm 1962 ở Thanh Xá, Thanh Hà, Hải Dương là vật chứng thuộc thẩm quyền điều tra của Công an huyện Thanh Hà. Công an Thanh Miện đã có công văn trao đổi với Công an huyện Thanh Hà nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Q, Lê Thạc D phạm tội "Trộm cắp tài sản",

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173, điều 17, 58, điểm s, h, r khoản 1 điều 51, điều 38, điều 56 BLHS năm 2015:

Xử phạt Nguyễn Xuân Q **02** năm **06** tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 24/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, hình phạt chung của hai bản án là 05 (*Năm*) năm tù, trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước là 10 tháng 28 ngày, buộc Q còn phải chấp hành hình phạt tù là **04** (Bốn) năm **01** (Một) tháng **02** (Hai) ngày, thời hạn tù tính từ ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2018.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điều 17, 58, điểm s, r khoản 1 điều 51, điều 38 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Lê Thạc D **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/3/2018.

2. Về vật chứng: áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015, điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015, buộc Nguyễn Xuân Q nộp lại 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) sung ngân sách nhà nước (bị cáo chưa nộp).

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyễn Xuân Q, Lê Thạc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người

bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký

Bùi Xuân Thành

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Công an Thanh Miện,
- Trại tạm giam Kim Chi,
- Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc,
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu Hồ sơ vụ án.